

Ngày: 22-01-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết;

Ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2025/TLST–DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng C, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số nhà E, đường D, tổ A, khu phố D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Trọng P, sinh năm 1992; địa chỉ liên lạc: 230, đại lộ B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 09/8/2025), có mặt.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ A, ấp C, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/8/2025, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C là ông Hồ Trọng P trình bày:

Ông Nguyễn Trọng C và bà Võ Thị Cẩm T có mối quan hệ quen biết.

Ngày 18/12/2023, ông C cho bà T vay số tiền 499.999.999 đồng, việc vay mượn không lập thành văn bản, hai bên trao đổi bằng lời nói, thỏa thuận thời hạn

trả nợ là 01 năm từ thời điểm vay, ông C cho bà T vay không lấy lãi. Ông C chuyển tiền cho bà T vay bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 5709205098678 của bà T tại Ngân hàng N với nội dung “NGUYEN TRONG CHAT chuyen tien Tu muon”. Bà T hứa hoàn trả số tiền nêu trên trong thời hạn 01 năm kể từ thời điểm vay. Hết thời hạn, ông C nhiều lần yêu cầu bà T thanh toán nhưng bà T không thanh toán. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà Võ Thị Cẩm T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Trọng C số tiền nợ gốc là 499.999.999 đồng.

Buộc bà Võ Thị Cẩm T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Trọng C tiền lãi chậm trả, tạm tính từ ngày 18/12/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, tạm tính là ngày 18/12/2025 theo mức lãi suất 0,833%/tháng: $499.999.999 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 0,833\%/\text{tháng} = 49.979.999 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền yêu cầu bà Võ Thị Cẩm T thanh toán tạm tính là 549.997.998 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là sao kê tài khoản Ngân hàng V của ông Nguyễn Trọng C.

Bị đơn bà Võ Thị Cẩm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc tranh chấp hợp đồng vay của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại Công văn số 62/NHNo.BC-TH, Ngân hàng N – Chi nhánh B - Bình Dương cung cấp thông tin như sau: Thông tin về chủ tài khoản Võ Thị Cẩm T, số tài khoản 5709205098678, ngày sinh 29/7/1988; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh; số điện thoại: 0971854925; Số căn cước công dân: 974188003210 ngày cấp 01/5/2021, sao kê tài khoản từ ngày 17/12/2023 đến 30/12/2023, trong đó ngày 18/12/2023 thể hiện nội dung: nội dung “NGUYEN TRONG CHAT chuyen tien Tu muon” số tiền là 499.999.999 đồng.

Tại phiếu yêu cầu xác minh ngày 27 tháng 10 năm 2025, Công an xã A, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Bà Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1988 có đăng ký thường trú tại Tổ A, ấp C, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện bà T không có ở địa phương, đi đâu, làm gì không rõ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà Võ Thị Cẩm T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Trọng C số tiền nợ gốc là 499.999.999 đồng.

Buộc bà Võ Thị Cẩm T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Trọng C tiền lãi chậm trả, tính từ ngày 18/12/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày

22/01/2026 theo mức lãi suất 0,833%/tháng: $499.999.999 \text{ đồng} \times 13 \text{ tháng} \times 0,833\%/tháng = 54.698.944 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền yêu cầu bà Võ Thị Cẩm T thanh toán là 554.698.943 đồng.

Bị đơn bà Võ Thị Cẩm T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc ông Nguyễn Trọng C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông vấn đề sau: Buộc bị đơn bà Võ Thị Cẩm T có trách nhiệm trả cho ông số tiền nợ gốc là 499.999.999 đồng và tiền lãi là 49.979.999 đồng (mức lãi suất 0,833%/tháng), tổng số tiền là 549.997.998 đồng tạm tính từ ngày 18/12/2024 đến ngày 18/12/2025.

Do có mối quan hệ quen biết từ trước với bà T, vào cuối năm 2023, bà T đã liên hệ với ông C để vay tiền với lý do cần vốn đầu tư, kinh doanh. Do tin tưởng bà T nên ông C không lập văn bản vay tiền.

Ngày 18/12/2023, ông Nguyễn Trọng C đã chuyển số tiền 499.999.999 đồng vào tài khoản ngân hàng của bà T, số tài khoản 5709205098678, mở tại Ngân hàng N, với nội dung chuyển tiền “NGUYEN TRONG CHAT chuyen tien Tu muon”. Khi nhận tiền, bà T cam kết sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền vay trong thời hạn 01 năm. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hạn cam kết nhưng bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ông C đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả tiền nhưng bà T cố tình trốn tránh, không hợp tác.

Trước toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn là bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến, lời trình bày hay tài liệu chứng cứ nào từ phía bị đơn liên quan đến việc vay mượn tiền giữa các bên.

Tại phiên tòa xét xử các đương sự trình bày và qua hồ sơ cho thấy: Căn cứ vào chứng cứ là giao dịch ngân hàng chuyển khoản trực tuyến, có đủ cơ sở xác định giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của pháp luật. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 499.999.999 đồng và tiền lãi tính đến ngày 22/01/2026 (mức lãi suất 10%/năm) là 54.698.944 đồng. Do không xác định rõ lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, xác định lãi suất chậm thanh toán 10%/năm nên có căn cứ chấp nhận mức lãi suất 10%/năm.

Căn cứ Điều 92, Điều 357, Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bị đơn bà Võ Thị Cẩm T phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Trọng C số tiền nợ gốc là 499.999.999 đồng và tiền lãi tính đến ngày 22/01/2026 (mức lãi suất 10%/năm) là 54.698.944 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C khởi kiện bị đơn bà Võ Thị Cẩm T yêu cầu thanh toán tiền vay, do đó, quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Võ Thị Cẩm T thường trú tại Tổ A, ấp C, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn bà Võ Thị Cẩm T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về nợ gốc: Ngày 18/12/2023, ông Nguyễn Trọng C cho bà Võ Thị Cẩm T vay số tiền 499.999.999 đồng, việc vay mượn không lập thành văn bản, hai bên trao đổi bằng lời nói, thỏa thuận thời hạn trả nợ là 01 năm từ thời điểm vay, ông C cho bà T vay không lấy lãi. Ông C chuyển tiền cho bà T vay bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 5709205098678 của bà T tại Ngân hàng N với nội dung “NGUYEN TRONG CHAT chuyen tien Tu muon”. Bà T hứa hoàn trả số tiền nêu trên trong thời hạn 01 năm kể từ thời điểm vay. Hết thời hạn, ông C nhiều lần yêu cầu bà T thanh toán nhưng bà T không thanh toán. Ông C yêu cầu Tòa án buộc bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông C số tiền nợ gốc là 499.999.999 đồng. Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là sao kê tài khoản Ngân hàng V của ông Nguyễn Trọng C.

Tại Công văn số 62/NHNo.BC-TH, Ngân hàng N – Chi nhánh B - Bình Dương cung cấp thông tin về chủ tài khoản như sau: Võ Thị Cẩm T, số tài khoản

5709205098678, ngày sinh 29/7/1988, sao kê tài khoản ngày 18/12/2023 thể hiện nội dung “NGUYEN TRONG CHAT chuyen tien Tu muon” số tiền là 499.999.999 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án: bị đơn bà Võ Thị Cẩm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, được xem đã từ bỏ quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C đưa ra, do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Có cơ sở xác định hợp đồng vay tiền giữa ông Nguyễn Trọng C và bà Võ Thị Cẩm T là có thật, do hai bên tự nguyện thỏa thuận giao kết với nhau. Hai bên xác lập giao dịch bằng lời nói và thực hiện thỏa thuận thông qua chuyển khoản Ngân hàng, khi giao kết hợp đồng, hai bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng vay có hiệu lực pháp luật và có ý nghĩa ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa các bên. Do đó, ông C yêu cầu bà T trả số tiền 499.999.999 đồng nợ gốc là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về tiền lãi: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định cho bị đơn bà T vay 499.999.999 đồng từ ngày 18/12/2023 đến ngày 18/12/2024, không tính lãi, hết thời hạn thỏa thuận trả nợ bà T không trả nợ gốc, do đó yêu cầu tính lãi từ thời điểm bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến khi Tòa án xét xử.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 5, 9 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán ngày 11 tháng 01 năm 2019, thì Hợp đồng vay giữa ông C và bà T thuộc trường hợp Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, thì bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc. Như vậy, tiền lãi bà T còn phải thanh toán cho ông C từ ngày 18/12/2024 đến ngày 22/01/2026 là: $499.999.999 \text{ đồng} \times 13 \text{ tháng} \times 4 \text{ ngày} \times 0.833\%/\text{tháng} = 54.698.944 \text{ đồng}$.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bà T thanh toán tiền lãi tính từ ngày 18/12/2024 cho đến khi Tòa án xét xử với số tiền là 54.698.944 đồng là phù hợp quy định của pháp luật về mức lãi suất, thời gian tính lãi nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 5, 6, 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11 tháng 01 năm 2019 Hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Võ Thị Cẩm T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 4, 5, 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 96, các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11 tháng 01 năm 2019 Hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Luật phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng C đối với bị đơn bà Võ Thị Cẩm T về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Võ Thị Cẩm T phải trả cho ông Nguyễn Trọng C tổng số tiền là 554.698.943 (năm trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi ba) đồng, trong đó bao gồm: 499.999.999 (bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng nợ gốc và 54.698.944 (năm mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn chín trăm bốn mươi bốn) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Trọng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông C số tiền 12.099.959 (mười hai triệu không trăm chín mươi chín nghìn chín trăm năm mươi chín) đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024397 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố H.

Bà Võ Thị Cẩm T phải nộp 26.187.957 (hai mươi sáu triệu một trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết